TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 15/2024/ DS-PT
Ngày: 07 - 05 - 2024.
V/v: tranh chấp đòi tài sản – QSD đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn.
Các Thẩm phán: Bà Bạch Thị Hồng Hoa.
Ông Đinh Trường Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Anh - Thẩm tra viên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Quý Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2024/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc Kiện đòi tài sản (quyền sử dụng đất).

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DSST ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2024/QĐPT-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1973; trú tại: Xóm Rậm, xã Cư Yên, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình; (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Tuấn A, sinh năm 1984; trú tại: Thôn Xuân Trung, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội; (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D; sinh năm 1967; trú tại: Xóm Giếng Êm, xã Nhuận Trạch, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T – Văn phòng Luật sư Trịnh Hương. Địa chỉ: Xóm 2, thôn Hòa Phú, xã Hòa Thạch, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội, (có mặt).

Người có quyền lợi,nghĩa vụ liên quan không triệu tập:

1. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V N chi nhánh huyện Lương Sơn.

2. Bà Lê Thị T 1, sinh năm 1968; trú tại: Xóm Giếng Êm, xã Nhuận Trạch, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Bùi Thị H trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Văn D kết hôn năm 1991 và chung sống với nhau tại căn nhà tranh trên thửa đất bố mẹ ông D cho tại xóm Giếng Êm, xã Nhuận Trạch, huyện Lương Sơn, Hòa Bình và đã sinh được 03 con chung là cháu Nguyễn Văn Q , Nguyễn Văn L , Nguyễn Văn T . Đến năm 1999 gia đình tôi được UBND huyện Lương Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa số 410, tờ bản đồ 35 diện tích 1.251m^2 gồm 400m^2 đất ở và 851m^2 đất vườn, người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chồng tôi: Nguyễn Văn D. Năm 2003 vợ chồng chúng tôi xây nhà, làm sân, chuồng lợn trên thửa đất đó. Do mâu thuẫn vợ chồng năm 2004 tôi và ông D ly hôn.

Theo bản án số 05/LHST ngày 23/3/2004 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn thì tôi và ông Nguyễn Văn D đã ly hôn. Về con chung tôi nuôi con là cháu Nguyễn Văn L, ông D nuôi hai con là cháu Nguyễn Văn Q và cháu Nguyễn Văn T 2.

Về phần tài sản chung: Chúng tôi có thỏa thuận là tôi được hưởng phần đất thổ cư và đất vườn có diện tích là 270m^2 cùng cây cối hoa màu trên đất, được tính từ giáp ranh với đất nhà ông Lục ở phía Nam kéo thẳng song song với ranh giới đất nhà ông Lục có chiều rộng 9m chiều dài là 30m. Được sử dụng đất nông nghiệp gồm các thửa 193 diện tích 428m^2, thửa số 420 diện tích 166m^2.

Ông D được sở hữu 01 nhà , 01 sân 01 chuồng lợn, 01 giếng, 01 xe đạp, 02 giường, được sử dụng diện tích đất thổ cư và đất vườn còn lại có diện tích là 980m^2 và được sử dụng đất nông nghiệp các thửa 336 diện tích 960m^2, thửa số 114 diện tích 459m^2, thửa 54 diện tích 134m^2 và phải hoàn trả số nợ cho chị Hiệp 311.000 đồng, anh Xuân 200.000 đồng, chị Lan 300.000 đồng, bà Hoa 1.500.000đồng, chị Hòa 100.000 đồng, Hợp tác xã Nhuận Trạch 578,5kg thóc; Quỹ xây dựng điện 300kg thóc, Quỹ công Ích xã 343,2kg thóc, thuế nông nghiệp 190kg thóc, Ngân hàng Lương Sơn 1166.000 đồng cùng lãi xuất hàng tháng.

Sau khi ly hôn tôi đưa cháu L đi thuê nhà để ở, tôi không có điều kiện kinh tế nên chưa tiến hành tách sổ và chưa về ở trên đất được chia. Đến đầu năm 2023 tôi thu xếp để làm nhà trên đất đã được chia thì ông D không cho tôi làm, ông D xây tường chắn mất đất của tôi. Tôi đến cơ quan thi hành án đề nghị được thi hành bản án nhưng do thời hiệu đã hết không thi hành được nên tôi làm đơn này đề nghị Tòa

án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn D phải trả lại tôi diện tích 270m^2 đất thổ cư và đất vườn theo đúng như bản án số 05/2004 ngày 23/3/2004 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn đã tuyên cho tôi.

Sau khi có kết quả trích đo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai giải thích cho tôi thửa đất hình thang nên nhân các cạnh thì được 269,8m^2 bị hụt mất 0,2m^2 tôi đồng ý với kết quả trích đo trên.

Đối với bức tường cao 1,5m ông D xây chắn trên đất của tôi, ông D trình bày đầu năm 2023 ông xây bức tường chi phí hết 700.000đồng/m^2, ông D không đề nghị định giá, tôi cũng đồng ý tôi xin được sử dụng bức tường và hoàn trả chi phí xây bức tường cho ông D. Tôi tự nguyện trả ông D số tiền 158.400 đồng là tiền thuế đất phi nông nghiệp mà ông D đã nộp chung cho cả thửa đất 410 trong đó có phần đất của tôi.

Tôi xin tự nguyện chi trả chi phí thẩm định, đo đạc, định giá tài sản và án phí.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Do mâu thuẫn vợ chồng năm 2004 vợ chồng xin ly hôn, ngày 23/3/2004 Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn đã xét xử cho vợ chồng ly hôn. Về con chung tôi nuôi con là cháu Nguyễn Văn Q và cháu Nguyễn Văn T 2 còn bà H nuôi con Nguyễn Văn L.

Về phần tài sản chung tôi được sở hữu 01 nhà , 01 sân 01 chuồng lợn, 01 giếng, 01 xe đạp, 02 giường, được sử dụng diện tích đất thổ cư và đất vườn còn lại có diện tích là 980m^2 và được sử dụng đất nông nghiệp các thửa 336 diện tích 960m^2, thửa số 114 diện tích 459m^2, thửa 54 diện tích 134m^2 và phải hoàn trả số nợ cho chị Hiệp 311.000đ, anh Xuân 200.000đ, chị Lan 300.000đ, bà Hoa 1.500.000đ, chị Hòa 100.000đ, Hợp tác xã Nhuận Trạch 578,5kg thóc; Quỹ xây dựng điện 300kg thóc, Quỹ công Ích xã 343,2kg thóc, thuế nông nghiệp 190kg thóc, Ngân hàng Lương Sơn 1.166.000đ cùng lãi xuất hàng tháng.

Tất cả những phần trên tôi đã thi hành xong.

Cô H được sử dụng 02 thửa đất nông nghiệp. Đối với phần đất thổ cư và đất vườn 270m^2 như cô H đòi là không phải của cô H. Khi ly hôn tôi không được ký vào biên bản cho cô H 270m^2 đất mà tôi chỉ cho cháu L vì cháu L ở với cô H. Nay cô H yêu cầu tôi trả 270m^2 đất tôi không đồng ý vì thửa đất số 410 là của bố mẹ tôi cho tôi. Hiện tại phần đất đang tranh chấp chưa ai sử dụng vào việc gì vẫn giữ nguyên hiện trạng như từ khi tôi và cô H còn chúng sống với nhau, sau này tôi tách cho con trai tôi là Nguyễn Văn L. Chúng tôi ly hôn sau khi ly hôn tôi không kháng cáo và không khiếu nại gì đối với vụ án ly hôn năm 2004.

Đầu năm 2023, tôi xây bức tường ngăn cách giữa thửa đất với con đường bê tông của xóm, chiều dài từ đất nhà ông Lục đến đất nhà anh Lưu có chiều dài 40m

cao 1,5m, Bức tường là do một mình tôi xây không liên quan gì tới ai chi phí xây dựng là 700 nghìn đồng/m^2 do tôi mới xây nên tôi đề nghị không định giá bức tường.

Năm 2023 tôi đi kê khai và nộp thuế đất phi nông nghiệp cho cả thửa đất số 410 là 158.000 đồng.

Năm 2019 tôi kết hôn với bà Lê Thị T 1, tháng 6/2023 tôi uỷ quyền cho bà T 1 vay Ngân hàng nông nghiệp huyện Lương Sơn số tiền 200 triệu đồng thời hạn vay 36 tháng. Khi vay chúng tôi có gửi cho Ngân hàng giữ hộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 0933964 thửa số 410 tờ bản đồ số 35 diện tích 1251m^2 đất do UBND huyện Lương Sơn cấp ngày 26/5/1999 tên Nguyễn Văn D. Hiện nay Ngân hàng vẫn đang giữ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Đại diện Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp huyện L S bà Nguyễn Thị T giám đốc trình bày :

Ngày 29/6/2023 Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp huyện L S đã ký hợp đồng vay vốn số 3001LAV202301270 với khách hàng bà Lê Thị T 1 và ông Nguyễn Văn D. Vay vốn với số tiền 200 triệu đồng, thời gian vay 36 tháng (từ ngày 29/6/2023 đến ngày 29/6/2026).

Tại thời điểm thiết lập hồ sơ vay vốn hộ bà Lê Thị T 1 và ông Nguyễn Văn D không trình bày về việc ông Nguyễn Văn D trước đây đã ly hôn với bà Bùi Thị H và có Quyết định phân chia tài sản của Toà án huyện Lương Sơn theo bản án số 05/2004 ngày 23/3/2004. Bà Bùi Thị H cũng không có đơn gửi Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp huyện L S về việc phân chia tài sản liên quan đến quyền sử dụng đất trên do đó chi nhánh ngân hàng nông nghiệp huyện L S không biết việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị H.

Ngày 08/01/2024 Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp huyện L S có công văn trả lời cho Tòa án với nội dung: Hiện nay Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp huyện L S đang giữ hộ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0933964 mang tên ông Nguyễn Văn D; địa chỉ xóm Giếng Êm, xã Nhuận Trạch, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình theo Hồ sơ vay vốn số 3001LAV202301270 ngày 29/06/2023. Do liên quan đến đảm bảo an toàn tài sản của khách hàng, chi nhánh ngân hàng nông nghiệp huyện L S không thể cung cấp cho Toà án bản gốc quyền sử dụng đất số 0933964 mang tên ông Nguyễn Văn D mà chỉ cung cấp bản sao. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp huyện L S sẽ thực hiện phán quyết của Toà án theo quy định pháp luật. Đề nghị khi giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V N , chi nhánh huyện L S, tỉnh Hoà Bình.

Tại phiên toà sơ thẩm, bà Võ Thị Thu T là người đại diện theo uỷ quyền cho Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp huyện L S trình bày: Trong trường hợp Toà án tuyên ông Nguyễn Văn D phải trả bà Bùi Thị H phần diện tích đất mà mà H được hưởng thì Ngân hàng sẽ phối kết hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục tách thửa, phần đất của bà H theo quyết định của Toà án. Ngân hàng sẽ tiếp tục giữ giấy CNQSD đất của ông D đối với diện tích đất còn lại và điều chỉnh phần vốn vay đúng theo hạn mức cho phép.

- Bà Lê Thị T 1: Tôi kết hôn với ông Nguyễn Văn D vào năm 2019. Chúng tôi sống chung với nhau trên thửa đất mang tên ông Nguyễn Văn D tại Giếng Êm. Tháng 6/2023 ông D uỷ quyền cho tôi đứng ra vay vốn Ngân hàng Nông nghiệp huyện L S. Khi vay vốn chúng tôi có giao cho Ngân hàng 01 giấy CNQSD đất số 0933964 do UBND huyện L S cấp ngày 26/5/1999 tên ông Nguyễn Văn D. Thủ tục vay vốn có xác nhận chính quyền địa phương. Từ khi tôi về sống chung với ông D tôi chưa đóng góp công sức gì vào thửa đất của ông D. Hiện tại thửa đất vẫn thuộc quyền quản lý sử dụng của ông D. Phần đất bà H tranh chấp với ông D giáp với nhà ông Lục vẫn bỏ không, chưa ai sử dụng gì. Bức tường do ông D xây đầu năm 2023 hết bao nhiêu tôi không biết, ông D không đề nghị định giá thì tôi cũng đồng ý.

- Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn đã tiến hành lấy lời khai của các con ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị H:

Anh Nguyễn Văn L trình bày: Khi bố mẹ ly hôn, tôi ở với mẹ tôi, anh Q và T 2 ở với bố. Năm 2021, tôi đưa vợ con của tôi về ở với bố tôi vì mẹ tôi không có nhà ở, phải đi thuê. Việc bố tôi có cho mẹ tôi đất hay không thì tôi không biết vì lúc đó tôi còn nhỏ. Đến nay, bố tôi nói cho tôi phần đất 270m^2 để tôi làm nhà ra ở riêng nhưng chưa làm giấy tờ gì. Phần đất này hiện tại vẫn bỏ không, chưa xây dựng nhà ở và không có cây cối gì trên đất. Bức tường là do bố tôi tự xây không liên quan gì tới tôi. Tôi nghĩ phần đất đó là bố tôi cho cả tôi và mẹ vì khi ly hôn mẹ tôi nuôi tôi. Tôi đề nghị mẹ tôi phải làm thủ tục cho tôi phần đất đó.

Anh Nguyễn Văn Q trình bày: Khi bố mẹ tôi ly hôn tôi và em T 2 ở với bố, em L ở với mẹ. Tôi được biết thửa đất bố tôi đang ở có nguồn gốc là của ông bà tôi để lại năm 1999 được cấp giấy CNQSD đất tên Nguyễn Văn D. Năm 2017 tôi làm nhà ra ở riêng trên phần đất khoảng 50m^2 tiếp giáp với đất nhà chú Nguyễn Văn Lưu. Hiện nay bố tôi và em L đang ở tại căn nhà cũ của bố tôi. Còn phần đất mẹ tôi đang tranh chấp với bố từ trước đến nay vẫn bỏ không. Mục đích của bố tôi là để 270m^2 đất này cho em L khi nào mẹ tôi già yếu không nơi nương tựa thì về ở với em L. Tôi biết mẹ tôi muốn sử dụng phần đất này là hoàn toàn đúng tuy nhiên mẹ tôi cần suy nghĩ lại vì em L hiện nay rất khó khăn đã ly hôn vợ phải nuôi 2 con nhỏ. Bố mẹ tôi nên cân nhắc tách 270m^2 ra cho em L. Bản thân tôi và các em không xây dựng

công trình gì và không trồng cây gì trên phần đất đang tranh chấp là 270m^2. Tôi thấy tôi không có quyền lợi nghĩa vụ gì đến phần đất bố mẹ tôi tranh chấp nên tôi xin được vắng mặt không tham gia phiên tòa giải quyết vụ án của bố mẹ tôi.

Anh Nguyễn Văn T 2 được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt.

Tại Biên bản xác minh ngày 19/7/2023. Cán bộ công chức địa chính cung cấp phần đất do bà H ông D đang tranh chấp nằm trên thửa đất số 410 tờ bản đồ số 35 diện tích 1251m^2 (400m^2 đất ở và 851m^2 đất vườn) tại Giếng Êm, xã Nhuận Trạch, đứng tên ông Nguyễn Văn D. Theo quyết định của Tòa án huyện Lương Sơn thì bà H được sử dụng 270m^2 đất ở và đất vườn được tính từ giáp ranh đất nhà ông bà Lục ở phía Nam kéo thẳng song song với ranh giới đất nhà ông Lục có chiều rộng 9m chiều dài 30m. Tuy nhiên bà H, ông D chưa tiến hành thủ tục tách giấy CNQSD đất. Hiện nay toàn bộ thửa đất số 410 vẫn đứng tên ông Nguyễn Văn D.

Đại diện chính quyền địa phương cho biết: Năm 2004 ông D và bà H ly hôn theo quyết định của Tòa án thì bà H được sử dụng 270m^2 đất ở và đất vườn cùng cây cối hoa màu trên đất được tính giáp ranh đầu nhà ông Lục ở phía Nam kéo thẳng song song với ranh giới đất nhà ông Lục có chiều rộng 9m chiều dài 30m và được sử dụng 2 thửa đất nông nghiệp.

Phần đất 270m^2 của bà H được phân chia vẫn nằm trong thửa đất số 410 tờ bản đồ số 35 tại thôn Giếng Êm, bìa đỏ đứng tên ông Nguyễn Văn D, hiện chưa tách thửa, ông D vẫn đang quản lý sử dụng. Năm 2023 bà H yêu cầu ông D trả lại 270m^2 đất theo phán quyết của Tòa án năm 2004 nhưng ông D và các con không đồng ý. Hiện phần đất đang tranh chấp chưa sử dụng vào việc gì. Năm 2023, ông D đã kê khai nộp thuế đất cho cả thủa đất số 410. Đến tháng 6/2023, ông D uỷ quyền cho vợ là bà Lê Thị T 1 đứng tên vay vốn Ngân hàng Nông nghiệp huyện Lương Sơn số tiền 200 triệu đồng.

Bản án sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình quyết định: Áp dụng: Điều 26, 35, 39, 147, 227, 235, 273 của Bộ luật TTDS. Điều 166 BLDS 2015 khoản 7 điều 166 luật đất đai 2013 án lệ số 50/2021 AL được HĐTP Toà án nhân dân tối cao thông qua ngày 25/11/2021 được công bố theo quyết định số 594/QA - CA ngày 31/12/2021 của Chánh án toà án nhân dân Tối cao. Nghị quyết 326/2006 ngày 30/12/2006 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí của Toà án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H đối với ông Nguyễn Văn D về việc " Đòi tài sản là quyền sử dụng đất". Buộc: Ông Nguyễn Văn D phải trả bà Bùi Thị H 269,8m2 (đất ở và đất cây lâu năm) thuộc thửa đất số 410, tờ bản đồ số 35 thuộc thôn Giếng Êm, xã Nhuận Trạch, Huyện Lương Sơn, Hoà Bình. Theo

giấy chứng nhận QSD đất số 0933964 cấp ngày 26/5/1999 mang tên ông Nguyễn Văn D (có sơ đồ trích đo phần đất kèm theo).

+ Bà H được sử dụng bức tường xây dài 09m, cao1,5m, diện tích 13.5m2 và trả ông Nguyễn Văn D số tiền 9.450.000đ. Bà H trả cho ông D số tiền thuế ông D đã nộp là 158.400đ ; (tổng cả hai khoản là 9.608.400đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về việc làm thủ tục đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, án phí, chi phí tố tụng khác, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/01/2024 bị đơn ông Nguyễn Văn D có đơn kháng cáo với nội dung: Ông D cho rằng nguồn gốc thửa đất ông D đang sử dụng là của bố mẹ ông cho không phải tài sản của vợ chồng với bà H,

Sau khi ly hôn năm 2004 ông không được đồng ý chia đất cho chị H 270m^2 mà chị H đang kiện đòi ông phải trả, bản án ly hôn sơ thẩm năm 2004 ông D cũng chưa được nhận, Bản án số 02/2024/DSST của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn chưa đánh giá đúng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và giải quyết không đúng quy định pháp luật vì vậy ông D đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình tuyên hủy bản án sơ thẩm số 02/2024/DSST ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự giữ nguyên nội dung đã trình bày, ông D có ý kiến đồng ý chia phần đất 270m^2 cho bà H và con trai là anh Nguyễn Văn L, bà H không đồng ý về việc chia cho anh L, do vậy các đương sự không thỏa thuận giải quyết vụ án, người kháng cáo giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào mới được pháp luật chấp nhận nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Tuy nhiên, tại phần Quyết định của Bản án sơ thẩm, Toà án nhân dân huyện Lương Sơn chưa tuyên rõ về trách nhiệm của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank) Chi nhánh huyện Lương Sơn trong việc tạo điều kiện để bà H làm thủ tục tách giấy CNQSD đất khi bản án có hiệu lực pháp luật, do vậy cần được bổ sung ở cấp phúc thẩm đó là: Yêu cầu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank) Chi nhánh huyện Lương Sơn cung cấp Giấy CNQSD đất số số

0933964 cấp ngày 26/5/1999 mang tên ông Nguyễn Văn D đối với thửa đất số 410 có diện tích 1.251m^2 cho bà Bùi Thị H để bà H thực hiện các thủ tục tách giấy CNQSD đất theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự bác toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn D giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/HNGĐ-ST ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, nêu rõ về trách nhiệm của Ngân hàng như đã phân tích ở trên. Các nội dung khác của bản án dân sự sơ thẩm số 02/20234/DS-ST ngày 23/01/2024 của TAND huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình được giữ nguyên, ông D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận để xem xét. Người không kháng cáo nhưng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo và những người tham gia tố tụng khác đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

2.1. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở kết luận: Chị H và anh D kết hôn năm 1991 và chung sống với nhau trên thửa đất bố mẹ anh D cho tại xóm Giếng Êm, xã Nhuận Trạch, huyện Lương Sơn, Hòa Bình và có 03 con chung là Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T 2. Đến năm 1999 thửa đất trên được UBND huyện Lương Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa số 410, tờ bản đồ 35 diện tích 1.251m^2 gồm 400m^2 đất ở và 851m^2 đất vườn, người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là anh Nguyễn Văn D. Do mâu thuẫn vợ chồng năm 2004 chị H và anh D ly hôn.

2.2. Theo bản án sơ thẩm số 05/LHST ngày 23/3/2004 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn đã xử cho chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn D ly hôn, quyết định về trách nhiệm nuôi dưỡng con và phân chia tài sản. Theo quyết định trong bản án, chị H được hưởng một phần đất trong khuôn viên thửa đất số 410. Sau khi ly hôn chị H đi thuê nhà ở, chưa có điều kiện tiến hành tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa về ở trên đất được chia. Đến đầu năm 2023 chị H thu xếp được về ở, để yêu cầu chia phần đất đã được chia thì bị đơn là anh D không đồng ý.

2.3. Tại trích lục bản án dân sự số 05/LHST ngày 23/3/2004 được Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn cấp cho đương sự vào ngày 26/7/2004 (bl 08) có nội dung: "Về tài sản công nhận sự thỏa thuận sau đây của các đương sự (phần của chị H):

“Chị Bùi Thị H sử dụng phần đất thổ cư và đất vườn có diện tích là 270m^2 cùng cây cối hoa màu trên đất, được tính từ giáp ranh với đất nhà ông Lục ở phía Nam kéo thẳng song song với ranh giới đất nhà ông Lục có chiều rộng 9m chiều dài là 30m. Được sử dụng đất nông nghiệp gồm các thửa 193 diện tích 428m^2, thửa số 420 diện tích 166m^2”.

Điều 42 Luật hôn nhân gia đình năm 1986 quy định: Khi ly hôn, việc chia tài sản do hai bên thoả thuận, và phải được Toà án nhân dân công nhận. Nếu hai bên không thoả thuận được với nhau thì Toà án nhân dân quyết định.

Nội dung được ghi trong trích lục bản án dân sự nêu trên là đúng với thỏa thuận của các đương sự tại thời điểm giải quyết vụ án, thể hiện sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự đều đã biết nội dung được ghi và thực hiện các nội dung trong bản án như việc ông D làm thủ tục đăng ký kết hôn với bà T 1, nghĩa vụ nuôi con, phân chi tài sản, trả nợ khác, các đương sự không kháng cáo, bản án không bị kháng nghị, theo công văn số 357/TA-VP ngày 13/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình cho biết qua kiểm tra sổ thụ lý án hôn nhân phúc thẩm, hồ sơ lưu trữ tại Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình hiện không có thông tin, tài liệu liên quan đến hồ sơ vụ án (BL 119), do vậy có căn cứ để xác định bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Trích lục bản án dân sự số 05/LHST ngày 23/3/2004 được Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn cấp cho đương sự vào ngày 26/7/2004 là đúng như nội dung tại tại sổ thụ lý, sổ theo dõi bản án án hôn nhân gia đình năm 2003-2004 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn (tại biên bản xác minh ngày 19/01/2024 BL 156,157)

2.4. Theo Án lệ số 50/2021/AL được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 481/2012/DS-GĐT ngày 25/9/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về vụ án “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” và được công bố theo Quyết định số 594/QĐ-CA ngày 31/12/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. (Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án giải quyết việc phân chia tài sản nhưng bản án, quyết định này chưa được thi hành do người được thi hành án không yêu cầu thi hành án và chưa nhận tài sản trên thực tế. Khi hết thời hiệu yêu cầu thi hành án, người được Tòa án giao tài sản mới có tranh chấp đòi lại tài sản được giao theo bản án, quyết định nêu trên).

2.5. Việc thu thập chứng cứ và chứng minh tại cấp sơ thẩm đã được thực hiện đầy đủ và theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào mới được pháp luật chấp nhận nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn văn

D, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DSST ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

[3]. Về nội dung liên quan đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank) Chi nhánh huyện Lương Sơn: Phần nhận định của bản án sơ thẩm đã nêu ý kiến của Ngân hàng là trong trong trường hợp Toà án quyết định ông D phải trả lại đất cho bà H thì Ngân hàng sẽ phối hợp với cơ quan chức năng làm thủ tục tách thửa cho bà H. Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh Huyên Lương Sơn tiếp tục giữ Giấy CNQSD đất của ông Nguyễn Văn D đối với phần còn lại, tuy nhiên để đảm bản việc thi hành án cần được ghi rõ tại phần quyết định của bản án như ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông D phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn D; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DSST ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, cụ thể:

Áp dụng: Điều 26, 35, 39, 147, 227, 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015 khoản 7 Điều 166 Luật Đất đai 2013. Án lệ số 50/2021/AL ngày 25/11/2021;

Nghị quyết số 326/2006 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng Án phí, Lệ phí của Toà án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H đối với ông Nguyễn Văn D về việc " Đòi tài sản là quyền sử dụng đất".

Buộc: Ông Nguyễn Văn D phải trả bà Bùi Thị H 269,8m^2 (đất ở và đất cây lâu năm) thuộc thửa đất số 410, tờ bản đồ số 35 thuộc thôn Giếng Êm, xã Nhuận Trạch, Huyện Lương Sơn, Hoà Bình. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0933964 cấp ngày 26/5/1999 mang tên ông Nguyễn Văn D (có sơ đồ trích đo phần đất kèm theo). Có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp phần đất còn lại của ông D có chiều dài là 30 m.
- Phía Nam giáp thửa đất số 477 có chiều dài 30 m.
- Phía Đông tiếp giáp suối Vai Cả có chiều rộng 9 m
- Phía Tây giáp đường giao thông có chiều rộng 9 m

+ Bà H được sử dụng bức tường xây dài 09m, cao1,5m, diện tích 13.5m2 và trả ông Nguyễn Văn D số tiền 9.450.000 đồng (chín triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Bà H trả cho ông D số tiền thuế ông D đã nộp là 158.400 đồng (một trăm năm mươi T 1 nghìn bốn trăm đồng). Tổng cả hai khoản là 9.608.400đồng (chín triệu, sáu trăm linh T 1 nghìn, bốn trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án không trả khoản tiền nêu trên cho người được thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

+ Bà H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình làm thủ tục đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất 269,8m^2 đất được tách từ giấy chứng nhận QSD đất số 0933964 thửa đất số 410 tờ bản đồ số 35 diện tích là 1251m^2 mang tên ông Nguyễn Văn D (theo sơ đồ trên).

Yêu cầu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank) - Chi nhánh huyện L S cung cấp giấy CNQSD đất số số 0933964 cấp ngày 26/5/1999 mang tên ông Nguyễn Văn D đối với thửa đất số 410 có diện tích 1.251m^2 cho bà Bùi Thị H để bà H thực hiện các thủ tục tách giấy CNQSD đất theo quy định của pháp luật.

3. Án phí: Bà Bùi Thị H tự nguyện chịu 780.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền bà H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai số 0005561 ngày 12/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình. Nay bà H còn phải nộp tiếp số tiền 480.000 đồng (bốn trăm T 1 mươi nghìn đồng).

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm. Được đối trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0001160 ngày 29/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 07/05/2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND huyện Lương Sơn;
- Chi cục THADS H Lương Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Tuấn